

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2022/HC-ST
Ngày: 21-02-2022
V/v khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực đất đai

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Sử

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị N Mai

2. Bà Lê Thị Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Lê Thanh Hà

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Lan Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 02 và 21 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 108/2021/TLST-HC ngày 17 tháng 6 năm 2021 về khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 126/2021/QĐXXST-HC ngày 31/12/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2022/QĐST-HC ngày 18/01/2022 và Quyết định thay đổi người tiến hành tố tụng số 05/2022/QĐ-ST ngày 16/02/2022, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện:

Ông Đoàn Văn C, sinh năm 1958. Địa chỉ: số 24, tổ 14, đường 3/2, Phường 11, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt).

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1971. Địa chỉ: 26A đường 3/2 Phường 8, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Theo giấy ủy quyền ngày 22/12/202) (có mặt).

2. Người bị kiện: Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Địa chỉ: 01 Phạm Văn Đồng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

(Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

Bà Phạm N Y – Chuyên viên Chi cục quản lý đất đai tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt).

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Ủy ban nhân dân thành phố Vũng Tàu và Chủ tịch UBND thành phố Vũng Tàu;

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, phường 1, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

(Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Bà Hoàng Thị Thanh N – Chuyên viên Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Vũng Tàu (có mặt).

- Bà Đỗ Thị M, sinh năm 1962. Địa chỉ: số 24, tổ 14, đường 3/2, Phường 11, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1971. Địa chỉ: 26A đường 3/2 Phường 8, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Theo giấy ủy quyền ngày 22/12/2021) (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Theo đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ cũng như tại phiên tòa, ông Đoàn Văn C và người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 09/6/2016 ông Đoàn Văn C nhận được Thông báo thu hồi đất số 256/TB-UBND ngày 30/5/2016 của UBND thành phố Vũng Tàu. V/v thu hồi đất để xây dựng Khu đô thị đường 3/2 Phường 10 thành phố Vũng Tàu. Mãi đến ngày 31/8/2018 UBND thành phố Vũng Tàu mới ban hành Quyết định số 6596/QĐ-UBND. V/v thu hồi 2.503,4m² đất và phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho ông Đoàn Văn C, bà Đỗ Thị M theo đơn giá 1.333.000đ/m² tại Quyết định số 2874/QĐ-UBND ngày 19/10/2016 của UBND tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu với tổng số tiền là 3.337.032.200 đồng. Tuy nhiên, UBND thành phố Vũng Tàu tạm giữ số tiền của ông C, bà M hơn một năm sau, đến ngày 02/12/2019 UBND thành phố Vũng Tàu mới chi trả cho ông C, bà M số tiền 3.337.032.200 đồng. Không đồng ý, ngày 16/12/2019 ông C, bà M có đơn khiếu nại và đề nghị khảo sát lại giá đất để tính toán lại tiền bồi thường cho ông C, bà M theo giá mới, với lý do giá đất sau hơn một năm đã biến động, hiện tại dự án Trường Đại học Bà Rịa – Vũng Tàu ngay bên cạnh cũng vị trí loại đường như của ông C, bà M thì giá bồi thường đã là 2.507.000đ/m². Trong khi đất của ông bà chỉ được bồi thường 1.333.000 đồng. Ngày 01/4/2020 UBND thành phố Vũng Tàu có văn bản số 1951/UBND-TNMT trả lời không đồng ý với yêu cầu của ông C. Ngày 25/5/2020, ông C làm đơn khiếu nại gửi Chủ tịch UBND tỉnh, khiếu nại Quyết định số 2874/QĐ-UBND ngày 19/10/2016 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc phê duyệt đơn giá đất để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Khu đô thị Đường 3/2, Phường 10, 11, thành phố Vũng Tàu hoặc tính theo giá đất tại Quyết định số 3333/QĐ-UBND ngày 05/12/2019 của UBND tỉnh về việc phê

duyet giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án Trường Đại Học Bà Rịa – Vũng Tàu tại Phường 11, thành phố Vũng Tàu.

Ngày 27/7/2020, UBND thành phố Vũng Tàu tổ chức đối thoại với gia đình ông C, tại cuộc đối thoại này, ông Phó Chủ tịch UBND thành phố nhất trí đền bù bổ sung cho ông C, bà M 484.000đ/m². Ông C đồng ý và hạn chót trả tiền là ngày 15/8/2020. Sau đó, UBND thành phố đã có Thông báo số 5533/TB-UBND ngày 27/7/2020 kết luận nội dung cuộc đối thoại. Chiều ngày 27/7/2020 ông C bà M đã bàn giao đất cho UBND thành phố Vũng Tàu. Tuy nhiên, đến hạn ông C, bà M vẫn không nhận được tiền như cam kết tại cuộc đối thoại với dân ngày 27/7/2020 của Phó Chủ tịch UBND thành phố Vũng Tàu.

Ngày 08/3/2021, ông C nhận được Quyết định giải quyết khiếu nại số 3792/QĐ-UBND ngày 16/12/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, nội dung bác toàn bộ khiếu nại của ông C, khiếu nại Quyết định số 2874/QĐ-UBND ngày 19/10/2016 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và yêu cầu khảo sát lại giá đất hoặc tính theo giá đất tại Quyết định số 3333/QĐ-UBND ngày 05/12/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án Trường Đại Học Bà Rịa – Vũng Tàu tại Phường 11, thành phố Vũng Tàu.

Không đồng ý với Quyết định giải quyết khiếu nại số 3792/QĐ-UBND ngày 16/12/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Ông C khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy các quyết định:

- Quyết định số 6596/QĐ-UBND ngày 31/8/2018 của UBND thành phố Vũng Tàu. V/v thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho ông Đoàn Văn C, bà Đỗ Thị M.

- Văn bản số 1951/UBND-TNMT ngày 01/4/2020 của UBND thành phố Vũng Tàu.

- Quyết định giải quyết khiếu nại số 3792/QĐ-UBND ngày 16/12/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Quyết định 2730/QĐ-UBND ngày 18/6/2020 của UBND thành phố Vũng Tàu. V/v cưỡng chế thu hồi đất.

- Thông báo số 5638/TB-UBND ngày 31/7/2020 của UBND thành phố Vũng Tàu. V/v Tạm dừng cưỡng chế thu hồi đất.

- Thông báo số 5533/TB-UBND ngày 27/7/2020. V/v thông báo kết luận của Chủ tịch UBND thành phố Vũng Tàu.

- Thông báo thu hồi đất số 256/TB-UBND ngày 30/5/2016 của UBND thành phố Vũng Tàu.

- Không chấp nhận giá đất tại Quyết định 2874/QĐ-UBND ngày 19/10/2016 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, yêu cầu khảo sát lại giá đất.

- Buộc UBND tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu và UBND thành phố Vũng Tàu thực

hiện thu hồi và phê duyệt kinh phí bồi thường lại từ đầu theo đúng trình tự luật đất đai.

- Hủy một phần Quyết định 2991/QĐ-UBND ngày 21/5/2021 của UBND thành phố Vũng Tàu về phần không áp giá bổ sung và tính tiền chậm trả không đúng.

[2] Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, văn bản ý kiến về nội dung, yêu cầu khởi kiện, Người bị kiện là Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu và Người bảo vệ quyền lợi và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu là bà Phạm N Y trình bày:

* Quá trình thu hồi đất, bồi thường, giải phóng mặt bằng và giải quyết khiếu nại:

Ngày 31/8/2018, UBND thành phố Vũng Tàu ban hành Quyết định 6596/QĐ-UBND. Thu hồi 2.503,4m² đất và bồi thường kinh phí cho hộ ông Đoàn Văn C. Theo đó, bồi thường đất nông nghiệp vị trí 5, đường loại 3 giá 1.333.000đ/m². Do đất của ông C tiếp giáp với đất lâm nghiệp, không xác định được ranh giới phải chờ xin ý kiến của UBND tỉnh nên UBND thành phố Vũng Tàu tạm giữ số tiền lại. Sau khi xác minh rõ ranh giới, ngày 20/11/2019 UBND thành phố Vũng Tàu đồng ý chi trả tiền bồi thường cho hộ ông C. Ngày 02/12/2019, Trung tâm phát triển quỹ đất của tỉnh có thư mời ông C nhận tiền bồi thường theo Quyết định 6596/QĐ-UBND ngày 31/8/2018 của UBND thành phố Vũng Tàu. Tuy nhiên, ông C không lên nhận tiền, ngày 16/12/2019 ông C có đơn kiến nghị gửi UBND thành phố Vũng Tàu, khiếu nại Quyết định 6596/QĐ-UBND ngày 31/8/2018 của UBND thành phố Vũng Tàu, đề nghị UBND thành phố Vũng Tàu cho khảo sát lại giá đất để tính bồi thường cho gia đình ông C. Ngày 01/4/2020, UBND thành phố Vũng Tàu có văn bản số 1951/UBND –TNMT trả lời ông C không có cơ sở để xem xét giải quyết khảo sát lại giá đất. Ngày 25/5/2020, ông C làm đơn khiếu nại gửi Chủ tịch UBND tỉnh. Ngày 16/12/2020 Chủ tịch UBND tỉnh Ban hành Quyết định 3792/QĐ-UBND, bác khiếu nại của ông C. Ngày 09/9/2020, UBND thành phố Vũng Tàu có Văn bản số 7225/UBND-TNMT đề xuất UBND tỉnh cho phép khảo sát lại giá đất để tính bồi thường đối với 3 trường hợp, trong đó có hộ ông C. Với lý do, việc chậm chi trả tiền bồi thường cho các hộ dân do một phần lỗi của cơ quan Nhà nước. Theo đó, hỗ trợ phần chênh lệch giá (484.000đ/m²) giữa giá theo Quyết định 2874/QĐ-UBND ngày 19/10/2016 và Quyết định 2987/QĐ-UBND ngày 31/10/2019 của UBND tỉnh. Ngày 02/10/2020, Sở Tài nguyên & Môi trường có văn bản đề nghị UBND thành phố Vũng Tàu rà soát nguyên nhân để giải quyết bồi thường chậm trả cho các trường hợp trên theo đúng quy định.

*Về Trình tự thủ tục thuê tư vấn khảo sát giá đất và ban hành Quyết định 2874/QĐ-UBND ngày 19/10/2016:

Trên cơ sở kết quả khảo sát giá của Công ty thẩm định giá Đất Việt và các báo cáo của các cơ quan chuyên môn. Ngày 19/10/2016, UBND tỉnh ban hành Quyết định 2874/QĐ-UBND về việc phê duyệt giá đất cụ thể để thực hiện công tác

bồi thường đối với dự án Khu đô thị Đường 3/2, Phường 10, Phường 11, thành phố Vũng Tàu. Việc UBND tỉnh ban hành Quyết định 2874/QĐ-UBND là đúng quy định của pháp luật. Cụ thể là khoản 1 Điều 112, khoản 3,4 Điều 114 Luật đất đai năm 2013; điểm b khoản 2 Điều 18 Nghị định 44/2014/NĐ-CP; Điều 7, 8, khoản 2 Điều 10 Quyết định 33/2015/QĐ-UBND ngày 07/8/2015 của UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu ban hành quy định chung về xác định giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất.

Do đó, việc khiếu nại Quyết định 2874/QĐ-UBND, yêu cầu khảo sát lại giá đất hoặc tính bồi thường theo giá đất tại Quyết định 3333/QĐ-UBND là không có cơ sở để xem xét. Quyết định giải quyết khiếu nại số 3792/QĐ-UBND ngày 16/12/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh là đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu khởi kiện của ông C.

[3] Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan UBND thành phố Vũng Tàu và Chủ tịch UBND thành phố Vũng Tàu trình bày:

Về trình tự ban hành Quyết định 6596/QĐ-UBND ngày 31/8/2016 của UBND thành phố Vũng Tàu. V/v thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho ông Đoàn Văn C, bà Đỗ Thị M:

Trên cơ sở Nghị quyết của HĐND tỉnh, được sự chấp thuận của UBND tỉnh về chủ trương đầu tư dự án Khu đô thị Đường 3/2 thành phố Vũng Tàu. Căn cứ các quy định của pháp luật, UBND thành phố Vũng Tàu đã thực hiện các thủ tục thu hồi đất như: Thông báo thu hồi đất, điều tra cơ bản, kiểm kê, xét, thẩm tra hồ sơ nguồn gốc đất, công khai, niêm yết phương án bồi thường hỗ trợ cho ông C, bà M đúng trình tự quy định của pháp luật. Trên cơ sở đó, UBND thành phố Vũng Tàu ban hành Quyết định 6596/QĐ-UBND ngày 31/8/2016. V/v thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho ông Đoàn Văn C, bà Đỗ Thị M. Gia đình ông C, bà M đã đồng ý chấp nhận giá bồi thường và đề nghị được nhận ngay tiền bồi thường. Ông C bà M không khiếu nại về trình tự thủ tục thu hồi đất.

** Về việc chậm chi trả bồi thường cho ông C:*

Do đất thu hồi của ông C, bà M giáp ranh với đất lâm nghiệp, năm 2016 khi thu hồi không xác định được cụ thể, nên UBND thành phố Vũng Tàu đề nghị Trung tâm phát triển quỹ đất tạm thời chưa chi trả tiền bồi thường. Sau này, khi các cơ quan chức năng làm rõ trường hợp của hộ ông C đủ điều kiện được bồi thường. Ngày 20/11/2019, UBND thành phố có văn bản gửi Trung tâm phát triển quỹ đất của tỉnh đề nghị chi trả tiền cho ông C, bà M. Ngày 02/12/2019, Trung tâm phát triển quỹ đất mời ông C, bà M lên nhận tiền bồi thường theo Quyết định 6596/QĐ-UBND. Tuy nhiên, ông C không đồng ý nhận tiền, không giao mặt bằng và yêu cầu khảo sát lại giá đất do đó ngày 18/6/2020, UBND thành phố ban hành Quyết định 2730/QĐ-UBND cưỡng chế thu hồi đất. Sau khi đối thoại ngày 27/7/2020 ông C đồng ý giao đất nên UBND thành phố tạm dừng cưỡng chế. Ngày 24/8/2020, Sở TN&MT có văn bản đề nghị UBND thành phố rà soát, đánh giá lại về nội dung khảo sát giá đất tại thời điểm chi trả bồi thường (ngày 04/12/2019).

Ngày 09/9/2020, UBND thành phố Vũng Tàu có văn bản đề xuất Sở TN&MT cho phép áp dụng giá đất cho ông C như 5 hộ dân theo Quyết định 2986/QĐ-UBND ngày 32/10/2019 do việc chi trả tiền bồi thường do lỗi một phần của cơ quan Nhà nước. Ngày 02/10/2020, Sở TN&MT có văn bản không đồng ý với đề xuất của UBND thành phố Vũng Tàu về áp giá mới cho ông C và hướng dẫn UBND thành phố Vũng Tàu áp dụng bồi thường chậm trả theo khoản 2, 3 Điều 93 Luật đất đai. Ngày 12/5/2021 UBND thành phố ban hành Quyết định 2991/QĐ-UBND. V/v Phê duyệt phương án hỗ trợ bổ sung cho ông C, bà M, tiền chậm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ theo Quyết định 6596/QĐ-UBND và tiền hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm với số tiền là 1.108.890.939 đồng. UBND thành phố và Chủ tịch UBND thành phố Vũng Tàu khẳng định việc ban hành các quyết định của UBND thành phố và Chủ tịch UBND thành phố Vũng Tàu liên quan đến thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, cưỡng chế thu hồi đất cho ông C, bà M là đúng quy định pháp luật. Yêu cầu khởi kiện của ông C là không có cơ sở đề nghị Tòa án bác yêu cầu của ông C.

[4] Quá trình tham gia tố tụng, bà Đỗ Thị M không có ý kiến.

Tại phiên tòa, các đương sự vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu của mình.

Đại diện VKSND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu phát biểu:

- Về tuân theo pháp luật: Ông Đoàn Văn C khởi kiện Quyết định số 3792/QĐ-UBND ngày 16/12/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu, Quyết định số 5969/QĐ-UBND ngày 31/8/2016 của UBND thành phố Vũng Tàu v/v thu hồi và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho ông Đoàn Văn C và bà Đỗ Thị M do Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Khu đô thị đường 3/2, phường 10, phường 11, thành phố Vũng Tàu và Quyết định số 2730/QĐ-UBND ngày 18/6/2020 của Chủ tịch UBND thành phố Vũng Tàu, các văn bản Thông báo số 5533/TC-UBND ngày 27/7/2020; Thông báo số 5638/TB-UBND ngày 31/7/2020; Văn bản số 1951/UBND-TNMT ngày 01/4/2020 của Chủ tịch UBND thành phố Vũng Tàu. Tòa án thụ lý vụ án là đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, ông Đoàn Văn C khởi kiện bổ sung Quyết định số 2991/QĐ-UBND, Tòa án xem xét là đúng quy định. Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của pháp luật.

- Về thời hiệu: Quyết định số 6569/QĐ-UBND ngày 31/8/2016 của UBND thành phố Vũng Tàu đã hết thời hiệu. Các quyết định khác còn thời hiệu xem xét.

- Xác định thành phần tham gia tố tụng: Tại phiên tòa, Tòa án xác định người khởi kiện, người bị kiện đúng quy định của pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Các yêu cầu của ông Đoàn Văn C đối với các Quyết định số 3792/QĐ-UBND ngày 16/12/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu, Quyết định số 5969/QĐ-UBND ngày 31/8/2016 của UBND thành phố Vũng Tàu, Quyết định số 2730/QĐ-UBND ngày 18/6/2020 của Chủ tịch UBND thành phố

Vũng Tàu, các văn bản Thông báo số 5533/TC-UBND ngày 27/7/2020; Thông báo số 5638/TB-UBND ngày 31/7/2020, Văn bản số 1951/UBND-TNMT ngày 01/4/2020 của Chủ tịch UBND thành phố Vũng Tàu là không có cơ sở đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu này và đình chỉ yêu cầu đo đạc lại đất.

Đối với Quyết định số 2991/QĐ-UBND do lỗi của UBND thành phố Vũng Tàu, đến ngày 21/5/2021 UBND thành phố mới ban hành quyết định bổ sung nhưng chỉ tính chậm chi trả tiền bồi thường đến ngày 04/12/2019 (429 ngày) gây thiệt hại cho ông C nên phần khởi kiện này của ông C là đúng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận và hủy Quyết định số 2991/QĐ-UBND ngày 21/5/2021 của UBND thành phố Vũng Tàu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Xác định đối tượng bị kiện và người bị kiện: Quyết định số 3792/QĐ-UBND ngày 16/12/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (gọi tắt là Quyết định 3792/QĐ-UBND) . V/v giải quyết khiếu nại của ông Đoàn Văn C địa chỉ: số 24, đường 3/2, Phường 11, thành phố Vũng Tàu (lần đầu). Đây là quyết định giải quyết khiếu nại đối với khiếu nại của ông C, khiếu nại Quyết định 2874/QĐ-UBND ngày 19/10/2016 của UBND tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu về việc phê duyệt giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Khu đô thị đường 3/2, Phường 10, Phường 11, thành phố Vũng Tàu. Ông C yêu cầu được tính lại giá đất hoặc tính bồi thường theo giá được UBND tỉnh ban hành tại Quyết định 3333/QĐ-UBND ngày 05/12/2019. Thực tế ông C khiếu nại Quyết định 6596/QĐ-UBND ngày 31/8/2016 của UBND thành phố Vũng Tàu (gọi tắt là Quyết định 6596/QĐ-UBND) *Về việc thu hồi đất và phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho ông (bà) Đoàn Văn C - Đỗ Thị M địa chỉ: 24, tổ 12 Phước An, Phường 11, thành phố Vũng Tàu do Nhà nước thu hồi phần đất nhận chuyển nhượng từ Ngân hàng Công thương Việt Nam thuộc dự án : Khu đô thị đường 3/2 thành phố Vũng Tàu.*

Hội đồng xét xử xác định đối tượng khởi kiện là Quyết định giải quyết khiếu nại 3792/QĐ-UBND ngày 16/12/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, người bị kiện là Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Đối với Quyết định 6596/QĐ - UBND ngày 31/8/2016; Quyết định 2991/QĐ-UBND ngày 21/5/2021 của UBND thành phố Vũng Tàu và Quyết định 2730/QĐ-UBND ngày 18/6/2020 của Chủ tịch UBND thành phố Vũng Tàu liên quan đến việc thu hồi, phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho ông C, bà M. Hội đồng xét xử phải xem xét, đồng thời phải đưa Ủy ban nhân dân thành phố và Chủ tịch UBND thành phố Vũng Tàu tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

Đối với các văn bản: Thông báo thu hồi đất số 256/TB-UBND ngày 30/5/2016; Văn bản số 1951/UBND-TNMT ngày 01/4/2020; Thông báo số 5638/TB-UBND ngày 18/6/2020; Thông báo số 5533/TB-UBND ngày 27/7/2020.

Đây không phải là quyết định hành chính có liên quan nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[1.2] Về thời hiệu:

Sau khi UBND thành phố Vũng Tàu ban hành Quyết định 6596/QĐ-UBND ngày 31/8/2018. Về việc thu hồi đất và phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, ông C, bà M không khiếu nại. Do UBND thành phố Vũng Tàu tạm gửi tiền bồi thường từ ngày 31/8/2018 đến ngày 02/12/2019 mới chi trả, nhưng vẫn chi trả tiền theo Quyết định 6596/QĐ-UBND ngày 31/8/2018 nên ông C khiếu nại và yêu cầu áp giá mới tại thời điểm trả tiền (thực chất là khiếu nại về kinh phí bồi thường). Tuy là một quyết định nhưng hai nội dung khác nhau. Một nội dung thu hồi đất và một nội dung phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (lẽ ra UBND phải ban hành quyết định thu hồi đất theo mẫu tại Thông tư 30/2014-TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên & Môi trường và quyết định phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư).

Về nội dung thu hồi đất: ông C không khiếu nại về việc thu hồi đất và trình tự thủ tục thu hồi đất của UBND thành phố Vũng Tàu tại Quyết định 6596/QĐ-UBND. Quyết định giải quyết khiếu nại 3792/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND tỉnh cũng không giải quyết nội dung thu hồi đất. Do vậy, kể từ ngày 30 tháng 9/2018 (ông C thừa nhận đã nhận được Quyết định 6596/QĐ-UBND khoảng tháng 9 năm 2018), đến ngày 14/5/2021 (ngày ông C khởi kiện), đã quá quá 1 năm mà không có sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khác quan nên ông C, bà M không có quyền khởi kiện về nội dung thu hồi đất tại Quyết định 6596/QĐ-UBND. Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu khởi kiện khởi kiện nội dung này tại Quyết định 6596/QĐ-UBND.

Về nội dung phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư: Do UBND thành phố Vũng Tàu tạm giữ lại tiền bồi thường đến ngày 02/12/2019 mới chi trả, ngày 16/12/2019 ông C khiếu nại nội dung này, đề nghị khảo sát lại giá đất, ngày 01/4/2020 UBND thành phố Vũng Tàu Thông báo không có căn cứ giải quyết khiếu nại, ông C khiếu nại lên Chủ tịch UBND tỉnh. Ngày 16/12/2020, Chủ tịch UBND tỉnh giải quyết khiếu nại bác yêu cầu của ông C. Sau đó, ngày 21/5/2021, UBND thành phố Vũng Tàu ban hành Quyết định 2991/QĐ-UBND. V/v phê duyệt phương án hỗ trợ bổ sung cho ông C. Do vậy tính đến ngày 14/5/2021, (ngày ông C khởi kiện) thời hiệu khởi kiện về nội dung này vẫn còn. Hội đồng xét xử xem xét là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung khởi kiện:

[2.1] Quyết định giải quyết khiếu nại số 3792/QĐ-UBND ngày 16/12/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Về thẩm quyền ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 3792/QĐ-UBND ngày 16/12/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Ngày 25/5/2020 ông C khiếu nại Quyết định 2874/QĐ-UBND ngày 19/10/2016 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc phê duyệt giá đất cụ thể để

tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Khu đô thị đường 3/2 Phường 10, Phường 11, thành phố Vũng Tàu và yêu cầu khảo sát lại giá đất hoặc tính bồi thường theo giá đất được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định 3333/QĐ-UBND ngày 05/12/2019 (đơn giá theo dự án Trường Đại học Bà Rịa – Vũng Tàu).

+ Nội dung khiếu nại Quyết định 2874/QĐ-UBND ngày 19/10/2016 Của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu thuộc thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch UBND tỉnh là đúng quy định của pháp luật.

+ Nội dung khiếu nại yêu cầu khảo sát lại giá đất hoặc tính bồi thường theo giá đất được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định 3333/QĐ-UBND ngày 05/12/2019 (đơn giá theo dự án Trường Đại học Bà Rịa – Vũng Tàu). Thực chất là khiếu nại về việc phê duyệt kinh phí bồi thường trong Quyết định 6596/QĐ-UBND của UBND nhân dân thành phố Vũng Tàu, thuộc thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch UBND thành phố Vũng Tàu. Tuy nhiên, ngày 16/12/2019 ông C có đơn khiếu nại tới Chủ tịch UBND thành phố Vũng Tàu, UBND thành phố thông báo không có cơ sở giải quyết, quá thời hạn giải quyết, mà không được giải quyết, ngày 25/5/2020 ông C khiếu nại lên Chủ tịch UBND tỉnh. Chủ tịch UBND tỉnh giải quyết là đúng quy định của pháp luật. Nhưng, đây là giải quyết khiếu nại lần 2 của nội dung này.

- Về nội dung:

Trên cơ sở kết quả thẩm định giá của Công ty thẩm định giá Đất Việt và ý kiến của các cơ quan chuyên môn. Ngày 19/10/2016, UBND tỉnh ban hành Quyết định 2784/QĐ-UBND. V/v phê duyệt phương án giá đất cụ thể để thực hiện dự án Khu đô thị đường 3/2, Phường 10, Phường 11, thành phố Vũng Tàu là đúng quy định của pháp luật.

Đất của ông C, bà M bị thu hồi thuộc dự án Khu đô thị đường 3/2, Phường 10, Phường 11, thành phố Vũng Tàu, Quyết định 6596/QĐ-UBND của UBND thành phố Vũng Tàu áp giá bồi thường theo Quyết định 2784/QĐ-UBND là đúng quy định của pháp luật. Việc ông C yêu cầu áp giá theo Quyết định 3333/QĐ-UBND là không có cơ sở. Tuy nhiên, ông C khiếu nại xuất phát từ việc Quyết định 6596/QĐ-UBND của UBND thành phố Vũng Tàu tạm giữ tiền bồi thường của ông C, bà M nhưng khi chi trả vẫn chỉ trả tiền bồi thường như cũ là không đúng quy định của pháp luật. Khi ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 3792/QĐ-UBND tại phần, xác minh nội dung khiếu nại, Chủ tịch UBND tỉnh có xem xét nội dung phê duyệt kinh phí bồi thường tại Quyết định 6596/QĐ-UBND của UBND thành phố Vũng tàu. Nhưng phần quyết định bác toàn bộ yêu cầu của ông C và không đề cập đến nội dung này của Quyết định 6596/QĐ-UBND là không đảm bảo quyền lợi của ông C. Ngoài ra, tại mục III của Quyết định 3792/QĐ-UBND kết quả đối thoại với ông Đoàn Văn C nhưng lại khẳng định: Chủ tịch UBND tỉnh ban hành quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu để giải quyết đơn của ông Phan Thanh Hải và ông Thái Hoài Nam là không đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, ngày 21/5/2021 UBND thành phố Vũng Tàu ban hành Quyết định 2991/QĐ-UBND V/v phê duyệt phương án bồi thường bổ sung cho ông C (tiền chậm chi trả bồi thường,

hỗ trợ theo Quyết định 6596/QĐ-UBND và hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm) nên quyền lợi của ông C bà M đã được bổ sung, nếu không đồng ý ông C có quyền tiếp tục khiếu nại và thực tế tại phiên tòa ông C yêu cầu hủy một phần Quyết định 2991/QĐ-UBND để giải quyết lại cho ông C. Do vậy, không cần thiết phải hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 3792/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND tỉnh. Tuy nhiên, Chủ tịch UBND tỉnh cần rút kinh nghiệm.

[2.2] Phản phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trong Quyết định 6596/QĐ- UBND ngày 31/8/2016 của UBND thành phố Vũng Tàu.

Khi thu hồi đất, UBND thành phố Vũng Tàu thực hiện điều tra, xác minh, khi chưa xác định được cụ thể đất của ai (chồng lấn với đất lâm nghiệp), nhưng đã ban hành quyết định thu hồi đất và phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho ông C, bà M và sau đó phải tạm giữ tiền của ông C, bà M. Đây là lỗi hoàn toàn của UBND thành phố Vũng Tàu, do không thực hiện đúng theo các quy định tại Thông tư 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên & Môi trường. Việc tạm giữ tiền bồi thường khi chưa xác định được cụ thể đất của ai là đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, khi xác định cụ thể được đất của ai và có đủ căn cứ chi trả tiền cho ông C, bà M thì UBND thành phố Vũng Tàu phải áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 93 Luật đất đai, thanh toán thêm một khoản tiền bằng mức tiền chậm nộp theo quy định của Luật quản lý thuế tính trên số tiền chậm trả và thời gian chậm trả. Ngày 02/12/2019 UBND thành phố Vũng Tàu đồng ý chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho ông C, bà M nhưng không tính thêm khoản tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 93 Luật đất đai nên ông C không đồng ý và khiếu nại. Do vậy khiếu nại của ông C về phần này là đúng và UBND thành phố Vũng Tàu đã sửa sai bằng việc ban hành Quyết định 2991/QĐ-UBND ngày 21/5/2021.

[2.3] Quyết định 2991/QĐ- UBND ngày 21/5/2021 của UBND thành phố Vũng Tàu.

Sau khi xác định đất nằm ngoài quy hoạch đất lâm nghiệp, ngày 02/12/2019 (ngày Trung tâm phát triển quỹ đất mời ông C lên nhận tiền) UBND thành phố Vũng Tàu tiến hành chi trả tiền cho ông C. Tuy nhiên, do không tính thêm khoản tiền chậm trả nên ông C không nhận và khiếu nại. Sau khi tham khảo ý kiến của Sở TN&MT, UBND thành phố Vũng Tàu bổ sung thêm khoản tiền chậm trả và hỗ trợ đào tạo nghề, tìm kiếm việc làm cho ông C, bà M với số tiền là 1.108.890.939 đồng. Trong đó 432.972.939 đồng là tiền chậm trả theo Quyết định 6596/QĐ-UBND và 675.918.000 đồng là khoản hỗ trợ đào tạo nghề, tìm kiếm việc làm. Tuy nhiên, UBND thành phố chỉ tính 429 ngày trên tổng số tiền chậm trả là 3.364.203.100 đồng (từ ngày 01/10/2018 đến ngày 04/12/2019) là không đúng. Khoản tiền chậm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ theo khoản 2 Điều 93 Luật đất đai của ông C bà M phải được tính từ ngày chậm trả cho đến ngày UBND thành phố khắc phục lỗi (ngày ban hành quyết định chậm trả) trên tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (bao gồm cả hỗ trợ đào tạo nghề, tìm kiếm việc làm). Ông C khiếu nại về kinh phí bồi thường và yêu cầu khảo sát lại giá tại thời điểm chi trả tiền là không có cơ

sở. Tuy nhiên, UBND thành phố ban hành Quyết định 2991/QĐ- UBND phê duyệt phương án hỗ trợ bổ sung cho ông C, bà M không đúng quy định pháp luật làm thiệt hại đến quyền lợi của ông C, bà M. Nên cần thiết phải hủy để UBND thành phố Vũng Tàu ban hành lại theo đúng quy định của pháp luật.

[2.4] Quyết định 2730/QĐ-UBND ngày 18/6/2020 của UBND thành phố Vũng Tàu V/v cưỡng chế thu hồi đất.

Sau khi có quyết định thu hồi đất, ông C bà M không bàn giao đất cho cơ quan có thẩm quyền, Chủ tịch UBND thành phố Vũng Tàu ban hành Quyết định 2730/QĐ-UBND ngày 18/6/2020. V/v cưỡng chế thu hồi đất là đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, ngày 27/7/2020 sau khi đối thoại với Chủ tịch UBND thành phố Vũng Tàu, ông C, bà M đã tự nguyện bàn giao đất. Lẽ ra Chủ tịch UBND thành phố Vũng Tàu phải hủy Quyết định này. Tuy nhiên, do ông C, bà M đã tự nguyện bàn giao đất nên Quyết định này cũng không còn hiệu lực, không cần thiết phải xem xét hủy như yêu cầu của ông C.

Ý kiến của kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề xuất chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Văn C, hủy một phần của Quyết định số 2991/QĐ-UBND và bác các yêu cầu còn lại đối với các quyết định khác của ông C là có căn cứ. Đối với yêu cầu đo đạc lại và bồi thường bổ sung phần đất dư, đây là yêu cầu thu thập chứng cứ của ông C, nếu có cơ sở thì ông C mới yêu cầu bồi thường bổ sung, không phải yêu cầu khởi kiện nên không phải đình chỉ như đề xuất của kiểm sát tham gia phiên tòa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm g khoản 1 Điều 143; điểm a, b khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính; khoản 2 Điều 93 Luật Đất đai năm 2013; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Tuyên xử:

[1] Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Văn C yêu cầu hủy Quyết định số 6596/QĐ-UBND ngày 31/8/2016 của UBND thành phố Vũng Tàu. *V/v thu hồi đất và phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho ông (bà) Đoàn Văn C – Đỗ Thị M, địa chỉ: số 24, tổ 12 Phước An, phường 11, thành phố Vũng Tàu do Nhà nước thu hồi phần đất nhận chuyển nhượng từ Ngân hàng Công thương thuộc dự án: Khu đô thị đường 3/2, thành phố Vũng Tàu đối với phần thu hồi đất.*

[2] Bác yêu cầu khởi kiện hủy Quyết định số 3792/QĐ-UBND ngày 16/12/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu. *V/v giải quyết đơn khiếu nại của ông Đoàn Văn C, địa chỉ: số 24, tổ 12, Phước An, phường 11, thành phố Vũng Tàu (lần đầu); Quyết định số 2730/QĐ-UBND ngày 18/6/2020 của Chủ tịch UBND thành phố Vũng Tàu. V/v cưỡng chế thu hồi đất của ông Đoàn Văn C.*

[3] Hủy Quyết định số 2991/QĐ-UBND ngày 21/5/2021 của UBND thành phố Vũng Tàu. *V/v phê duyệt phương án hỗ trợ bổ sung (tiền chậm chi trả tiền bồi*

thường, hỗ trợ theo Quyết định số 6596/QĐ-UBND ngày 31/8/2018 của UBND thành phố Vũng Tàu và hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp, tìm kiếm việc làm cho ông (bà) Đoàn Văn C –Đỗ Thị M, địa chỉ: số 24, tổ 12, Phước An, phường 11, thành phố Vũng Tàu do Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Khu đô thị đường 3/2, thành phố Vũng Tàu.

Buộc UBND thành phố Vũng Tàu tính lại kinh phí hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm và khoản tiền chậm trả bằng mức tiền chậm nộp theo quy định của Luật quản lý thuế trả tính trên số tiền chậm trả và thời gian chậm trả.

[4]Về án phí hành chính sơ thẩm: Ủy ban nhân dân thành phố Vũng Tàu phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hành chính sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận

- Các đương sự;
- VKS ND tỉnh BR-VT;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Văn Sử

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 22-HC:

(1) Ghi tên Tòa án ra bản án. Nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi rõ tên Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) nào (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hoá).

(2) Ô thứ nhất ghi số bản án, ô thứ hai ghi năm ra bản án (ví dụ: Số: 98/2017/HC-ST).

(3) Ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày.

(4) Ghi trích yếu vụ án (ví dụ: về khiếu kiện quyết định thu hồi đất).

(5) Ghi như hướng dẫn tại điểm (1).

(6) Nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi họ tên của Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, bỏ dòng “Thẩm phán...”, đối với Hội thẩm nhân dân chỉ ghi họ tên của hai Hội thẩm nhân dân; nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm năm người, thì ghi họ tên của Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân. Cần chú ý là không ghi chức vụ của Thẩm phán; chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân.

(7) Ghi họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(8) Ghi tương tự hướng dẫn tại điểm (1) nhưng thay các chữ “Tòa án nhân dân” bằng “Viện kiểm sát nhân dân”.

(9) Trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ “Trong các” (ví dụ: Ngày 17 tháng 8 năm 2017 tại...). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày trở lên, nếu số ngày là 02 ngày thì có thể ghi đủ số ngày (ví dụ: Trong các ngày 05 và 06 tháng 12...); nếu số ngày từ 03 ngày trở lên thì ghi từ ngày đến ngày (ví dụ: Trong các ngày từ ngày 05 đến ngày 07 tháng 12 năm ...); nếu khác tháng mà xét xử liên tục thì ghi từ ngày ... tháng ... đến ngày ... tháng ... (ví dụ: Trong các ngày từ ngày 28 tháng 11 đến ngày 02 tháng 12 năm ...), nếu không xét xử liên tục thì ghi các ngày của từng tháng (ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm ...).

(10) Nếu xét xử kín thì thay cụm từ “công khai” bằng từ “kín”.

(11) Ô thứ nhất ghi số thụ lý, ô thứ hai ghi năm thụ lý (ví dụ: số 19/2017/TLST-HC).

(12) Ghi như hướng dẫn tại điểm (4).

(13) Người khởi kiện là cá nhân thì ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên cần ghi thêm ngày, tháng, năm sinh). Người khởi kiện là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ của cơ quan, tổ chức đó.

(14) Chỉ ghi khi có người đại diện hợp pháp của người khởi kiện và ghi họ tên, địa chỉ cư trú; ghi rõ là người đại diện theo pháp luật hay là người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện; nếu là người đại diện theo pháp luật thì cần ghi chú trong ngoặc đơn quan hệ giữa người đó với người khởi kiện; nếu là người đại

diện theo uỷ quyền thì cần ghi chú trong ngoặc đơn: “văn bản uỷ quyền ngày... tháng... năm...”.

Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A trú tại... là người đại diện theo pháp luật của người khởi kiện (Giám đốc Công ty TNHH Thanh Nhung).

Ví dụ 2: Bà Lê Thị B trú tại... là người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện (Văn bản uỷ quyền ngày... tháng... năm...).

(15) Chỉ ghi khi có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện; ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là Luật sư thì ghi là Luật sư thuộc Đoàn luật sư nào); nếu có nhiều người khởi kiện thì ghi cụ thể bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện nào.

(16) Nếu người bị kiện là người có thẩm quyền thì ghi chức danh của người bị kiện (ví dụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh A); nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên, địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó.

(17) và (20) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (14).

(18) và (21) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (15).

(19) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (13).

(22) Ghi họ tên, địa chỉ cư trú của người đó (nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên ghi ngày, tháng, năm sinh và họ tên người đại diện hợp pháp của người chưa thành niên).

(23) Ghi họ tên, chức danh, địa chỉ nơi làm việc (nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ cư trú).

(24) Ghi họ tên, địa chỉ nơi làm việc (nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ cư trú).

(25) Trong phần này ghi rõ các yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện; đề nghị, yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; ghi ngắn gọn, đầy đủ các tài liệu, chứng cứ, tình tiết của vụ án, trong đó ghi rõ ý kiến của Viện kiểm sát về các tình tiết, những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh trong bản án, các tình tiết mà các bên đã thống nhất, đối với các tình tiết của vụ án mà các bên không thống nhất thì phải ghi rõ lý lẽ, lập luận của từng bên.

(26) Ghi nhận định của Tòa án về những vấn đề cần phải giải quyết trong vụ án (về áp dụng pháp luật tố tụng và áp dụng pháp luật nội dung). Tòa án phải căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát (nếu có) để phân tích, đánh giá, nhận định đầy đủ, khách quan về những tài liệu, chứng cứ, tình tiết của vụ án, những căn cứ pháp luật, án lệ (nếu có) để chấp nhận hoặc không chấp nhận từng yêu cầu, đề nghị cụ thể của đương sự; của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

(27) Tùy từng trường hợp mà ghi rõ các căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(28) Quyết định của Hội đồng xét xử về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án, về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, về án phí, chi phí tố tụng (nếu có) và quyền kháng cáo đối với bản án; trường hợp có quyết định phải thi hành ngay thì phải ghi rõ quyết định đó.

(29) Phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng

ngộ án thì phải có đầy đủ chữ ký, họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các đương sự, cơ quan, tổ chức và Viện kiểm sát thì ghi như sau:

Nơi nhận:

*(Ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ
thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo
quy định tại
Điều 196 của Luật TTHC).*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA
PHIÊN TÒA
*(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng
dấu)*